

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ giấy chứng nhận thí nghiệm chuyên ngành thí nghiệm số: 1314/GCN-SXD ngày 15 tháng 3 năm 2024;

Căn cứ biên bản đánh giá thực tế tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Và Kiểm Định D.I.C công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Và Kiểm Định D.I.C

Quyết định thành lập số: 0304162637 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp;

Địa chỉ: Số 45/12 Huyện Trân Công Chúa - Phường Tam Thắng - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02543.533.935 Email: tuvanhtietke.dicvt@gmail.com

Mã số thuế: 0304162637 Website: <https://dicthietke.com.vn>

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng Thí Nghiệm Kiểm Định Xây Dựng

Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS - XD: **LAS - XD 948** (Giấy chứng nhận Số: 179/GCN-BXD ngày 15 tháng 3 năm 2019) được Bộ xây dựng cấp và **LAS – XD 02.005** (Giấy chứng nhận Số: 1314/GCN-SXD ngày 15 tháng 3 năm 2024) được Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Địa chỉ: Số 45/12 Huyện Trần Công Chứa - Phường Tam Thắng - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0983173789.

Email: ktstienquyet77@gmail.com

3. Thông tin về trạm thí nghiệm hiện trường:

STT	Tên dự án công trình/Chủ đầu tư	Địa chỉ	Văn bản thông báo	Ghi chú
1	Dự án: Khu du lịch Vũng Tàu Regency Chủ đầu tư: Công ty TNHH Allgreen - Vượng Thành - Trùng Dương	Đường 3/2. Phường Rạch Dừa & Phường Phước Thắng, TP. Hồ Chí Minh	Số: 01/VBTB – PTN HT/2019 ngày 02/11/2019	Có văn bản kèm theo

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn thí nghiệm

TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm được công nhận	Tiêu chuẩn kỹ thuật phương pháp thử	Máy móc, thiết bị thí nghiệm tương ứng	Nhân viên thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng	TCVN 13605:2023	Cân điện tử 4100g, bình xác định khối lượng riêng, sàng 0.09mm, tủ sấy, chổi quét...	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
2	Xi măng – phương pháp xác định độ dẻo, thời gian đông kết & độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Cân điện tử 4100g, Thiết bị Vi Ca, khuôn Lacharter ...	“-nt-“
3	Xác định độ bền nén và uốn	TCVN 6016:2011	Máy nén đa năng, gối nén, uốn, Bộ sàng loại R20, máy trộn, Khuôn 4x4x16mm;	“-nt-“
4	Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982	máy dẫn, máy uốn và nén xi măng, dụng cụ gá mẫu thử uốn và nén.	“-nt-“

II.	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
5	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 9382-2012; Số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998 TCVN 10306:2014 22TCN 276:2001 TCXD 127-1985	Máy nén TYA 2000, khuôn đúc mẫu, thước lá, dụng cụ hồ chợ...	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt, Que chọc, Phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại.	“-nt-“
7	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1 %; Tủ sấy; Bình dung tích dung tích từ 1,05 lít đến 1,5l	“-nt-“
8	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng/phút	“-nt-“
9	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1 %; Tủ sấy; Bình dung tích dung tích từ 1,05 lít đến 1,5l	“-nt-“
10	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân điện tử 4100g, thùng ngâm mẫu, tủ sấy	“-nt-“
11	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật 15000g, tủ sấy, thước lá, bếp điện. Thùng nấu paraffin.	“-nt-“
12	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	Máy thử thấm bê tông	“-nt-“
13	Xác định cường độ giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:2022	Máy nén TYA 2000, thước lá, đệm truyền tải.	“-nt-“
14	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022	Máy kéo nén đa năng, đệm truyền tải.	“-nt-“
15	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022	Máy kéo nén đa năng, đệm truyền tải.	“-nt-“

III.	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			
16	Thành phần cỡ hạt	TCVN7572-2:2006	Cân điện tử 15000g, bộ sàng tiêu chuẩn	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
17	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN7572-4:2006 AASHTO T84 AASHTO T85	Cân điện tử, tủ sấy, bình dung tích bằng thủy tinh, côn thủ độ sụt, que chọc, khay chứa, thùng ngâm mẫu, sàng 5mm, 0.14mm, bình hút ẩm	“-nt-“
18	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN7572-5:2006 TCVN 8735:2012	Cân điện tử 4100g, 15000g, tủ sấy, bình dung tích bằng thủy tinh, côn thủ độ sụt, que chọc, khay chứa, thùng ngâm mẫu, sàng 5mm, 0.14mm, bình hút ẩm	“-nt-“
19	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN7572-6 :2006	Thùng đong kim loại hình trụ loại 1,2,5,10,20 lít; cân điện tử 15000g, phễu chứa vật liệu, sấy, thước lá, thanh gỗ gạt phẳng	“-nt-“
20	Xác định độ ẩm	TCVN7572-7:2006	Cân điện tử 4100g, 15000g, tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu.	“-nt-“
21	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN7572-8:2006	Cân điện tử 4100g, 15000g, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính.	“-nt-“
22	Xác định cường độ và độ hóa mềm của đá gốc	TCVN7572-10:2006	Máy nén đa năng TYA 2000, máy mài, máy khoan và máy cưa đá, thước kẹp, thùng hoặc chậu ngâm đá	“-nt-“
23	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11:2006	Máy nén đa năng TYA 2000, xi lanh bằng thép, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	“-nt-“

24	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TCVN7572-12:2006 AASHTO T96	Máy thử độ hao mòn va đập Los Angeles; bi thép, cân điện tử 15000g, bộ sàng KT: 37.5; 25; 19; 16, 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm; tủ sấy	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
25	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn.	TCVN7572-13:2006	Cân điện tử 15000g; thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy	“-nt-“
26	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN7572-17:2006	Cân điện tử 15000g, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt, búa con	“-nt-“
27	Xác định hàm lượng mica	TCVN7572-20:2006	Cân phân tích, chính xác đến 0,001 g; tủ sấy 300 ⁰ C; bộ sàng tiêu chuẩn: kích thước 5 mm; 2,5 mm; 1,25 mm; 630 mm; 315 mm; 140 mm; giấy nhám; đĩa thủy tinh	“-nt-“
IV.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
28	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Bình tỷ trọng, cân điện tử 4100g, cối sứ chà sứ, sàng 2mm, bếp cát, tủ sấy, bơm chân không, tỷ trọng kế, phễu nhỏ, thiết bị ổn nhiệt, cốc nhỏ	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
29	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, cân điện tử 4100g, bình hút ẩm, cốc nhỏ, sàng 1mm, khay đựng mẫu	“-nt-“
30	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012	Bộ dụng cụ xác định giới hạn chảy dẻo, sàng 1mm, cối sứ chà sứ, bình thủy tinh, cân điện tử 4100g, cốc nhỏ, tủ sấy... Bộ thí nghiệm Casagrande.	“-nt-“
31	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy...	“-nt-“

32	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995	Máy cắt phẳng, dao vòng cắt nén, tấm nén truyền lực, đồng hồ biến dạng, quả cân	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
33	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén tam liên, mẫu chuẩn bằng kim loại, dao gạt bằng, dao gạt đất, tủ sấy, đồng hồ biến dạng, Cân điện tử	“-nt-“
34	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Cối đằm, cân điện, 15000g, sàng 5mm, bình phun nước, bình hút ẩm, tủ sấy, tủ sấy, hộp nhôm, dao gạt mẫu, cối sứ chày sứ, khay, vò đập đất	“-nt-“
35	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 TCVN 8721:2012	Dao vòng, thước kẹp, dao cắt mẫu, cân điện tử 4100g, cân vibra, hộp nhôm, tủ sấy, bình hút ẩm;	“-nt-“
36	TN sức chịu tải (CBR) của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006 TCVN12792:2020	Máy nén CBR, đồng hồ biến dạng, khuôn CBR, tấm đệm, chày đằm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải bằng thép, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân điện tử 15000g, 1000g; sàng 50mm, 19mm, 4.75mm; dụng cụ tháo mẫu,	“-nt-“
37	Đằm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006 TCVN12790:2020	Cối đằm, cân điện tử, 19mm, 4.75mm; dụng cụ tháo mẫu,	“-nt-“
38	Trương nở của đất	TCVN8719:2012	Bàn giá đỡ, đồng hồ so..	“-nt-“
39	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN8724:2012	Thiết bị đo góc nghỉ...	“-nt-“
40	Phương pháp xác định các đặc trưng co ngót của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8720 : 2012	Dao vòng, thước kẹp, dao cắt mẫu, cân điện tử, hộp nhôm, tủ sấy, bình hút ẩm;	“-nt-“

V.	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG			
41	Vật liệu kim loại – Thử kéo – phần 1: PP thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197:2014	Máy kéo nén WE-600B, thước lá, cân điện tử	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
42	Thử uốn kim loại	TCVN 198:2008	Máy kéo nén WE-600B, thước lá, bộ gối uốn,	“-nt-“
43	Kiểm tra chất lượng mối hàn- thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo nén WE-600B, thước lá, bộ gối uốn, cân điện tử	“-nt-“
44	Kiểm tra chất lượng hàn ống- thử nén dẹt	TCVN 5402:2010	Máy kéo nén WE-600B, thước lá, bộ gối uốn, cân điện tử	“-nt-“
45	Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử kéo	TCVN 5403:2010	Máy kéo nén WE-600B, thước lá, bộ gối uốn, cân điện tử	“-nt-“
46	Thử kéo bulông ốc đai, ốc vít, vật liệu bu lông	TCVN 197:14; TCVN 198:2008; TCVN 1916:1995;	Máy kéo nén WE-600B, ngàm kẹp bu long	“-nt-“
47	Thử nghiệm dây cáp thép, hệ thống neo và cáp dự ứng lực	TCVN 6284:1997 22 TCN 267:2000	Máy kéo nén WE-600B, thước lá, bộ gối uốn, cân điện tử	“-nt-“
VI.	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
48	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, khuôn mẫu, đồng hồ đo độ biến dạng, búa đầm bằng kim loại, bộ đệm hình trụ bằng gỗ, bộ giá giữ khuôn, dụng cụ tháo mẫu, tủ sấy, thiết bị trộn BTN, bếp nung gia nhiệt, bể ổn nhiệt, dụng cụ chứa nhựa đường nóng, bay trộn thanh gạt, nhiệt kế, gang tay cao su, gang tay chịu nhiệt, cân điện tử	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ

49	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, lò nung, khay đựng mẫu, cân điện tử vibra, cân điện tử, cốc ung, bình hút ẩm, và một số dụng cụ khác	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
50	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng mắt vuông ASTM:50; 37.5; 25; 19; 16; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075; tủ sấy, cân điện tử;	“-nt-“
51	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân đt, máy hút chân không, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế, nhiệt kế, khay đựng mẫu,	“-nt-“
52	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng riêng của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân điện tử 15000g, bể nước, dây treo, giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế	“-nt-“
53	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, giỏ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân điện tử, cao su, bay trộn	“-nt-“
54	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	ống đồng, phễu, tấm kính, khay trộn, dao gạt, cân đt	“-nt-“
55	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan, Cân kỹ thuật, giỏ cân thủy tĩnh...	“-nt-“
56	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011		“-nt-“
57	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN8860-10:2011		“-nt-“
58	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN8860-11:2011		“-nt-“
59	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN8860-12:2011		“-nt-“
60	Xác định thành phần hạt cốt liệu bê tông nhựa	AASHTO T27	Bộ sàng mắt vuông ASTM:50; 37.5; 25; 19; 16; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075; tủ sấy, cân điện tử 15000g;	“-nt-“

61	Xác định độ góc cạnh cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Cân điện tử 15000g; thùng đong, phễu rớt, tủ sấy	“-nt-“
62	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	AASHTO T11	Sàng 0.075, Cân, tủ sấy	“-nt-“
63	Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu, %	AASHTO T112	Cân, tủ sấy	“-nt-“
VII.	NHỰA BITUM VÀ NHỰ TƯƠNG AXIT			
64	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005	Thiết bị xuyên kim, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
65	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	Khuôn, bể ổn nhiệt, thiết bị thử độ kéo dài, nhiệt kế	“-nt-“
66	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Vòng, tấm lót, bi, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế,	“-nt-“
67	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005	Cốc hồ cleveland, nhiệt kế, ngọn lửa thử.	“-nt-“
68	Xác định tổn thất khối lượng sau khi đun nóng ở 163°C so với ở 250°C	TCVN 7499:2005	Tủ sấy, nhiệt kế, cốc mẫu	“-nt-“
69	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005	Cốc Gooch, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su, bộ gá, bình Erlenmeyer, tủ sấy	“-nt-“
70	Xác định khối lượng riêng (Tỷ trọng)	TCVN 7501:2005	Tỷ trọng kế (pycnometer); Bể ổn nhiệt, có khả năng duy trì ổn định nhiệt độ của phép thử $\pm 0,1$ oC; Nhiệt kế 2000C, vạch chia nhỏ nhất là 0,1oC	“-nt-“
71	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc và chịu được nhiệt độ đến 232oC, dùng để buộc viên đá để thử; Bình thủy tinh, bền nhiệt, dung tích (1000-2000) ml; Nước cất; Bếp đun bằng Ga; Nhiệt kế dải đo từ (-2÷300)oC	“-nt-“

VIII	THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LÔNG			
72	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005	Nhớt kế	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
73	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:11	Nhớt kế	“-nt-“
IX.	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
74	Khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN8735:2012	Bình tỷ trọng, máy hút chân không, bình để rửa, nhiệt kế, bát sắt, bát sứ,dao sắt, dầu AK15	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
75	Xác định thành phần hạt	TCVN12884-2:2020	Bộ sàng tiêu chuẩn	“-nt-“
76	Xác định độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN12884-2:2020	Tủ sấy, cân kỹ thuật	“-nt-“
X.	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
77	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao vòng	22TCN 02:1971 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012	- Dao đai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm ³), Cân 4100kg Dao gạt đất lưới phẳng, Hộp nhôm	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
78	Xác định độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012	- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị). Cát chuẩn, Cân cân được 15kg chính xác 1,0g. Cồn, bếp ga, Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông.	“-nt-“
79	Xác định độ bằng phẳng bằng của mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011	Thước phẳng 3m, calip đo chênh cao	“-nt-“
80	Đo độ nhám mặt đường đo bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Cát chuẩn, Ống đồng cát, Bàn xoa cát hình tròn, Bàn chải sắt và bàn chải lông mềm, Thước dài khắc vạch 500mm,Cân có độ nhạy 0,1g, Tấm chắn gió	“-nt-“

81	Xác định Môđun đàn hồi E của đất và vật liệu áo đường tại hiện trường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Cần Benkenman hoặc cần đo độ võng Xe chất tải	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
82	Xác định Môđun đàn hồi chung của áo đường mềm bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011	Cần Benkenman, Xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN.	“-nt-“
83	Bê tông nặng-Phương pháp không phá hủy sử dụng súng bật nảy để xác định cường độ nén.	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy Matest N34	“-nt-“
84	Bê tông nặng-Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén bê tông.	TCVN 9335:2012	Súng bật nảy Matest N34, Máy siêu âm	“-nt-“
85	Phương pháp không phá hủy đánh giá chất lượng bê tông bang vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012	Máy siêu âm	“-nt-“
86	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN 239:06; TCVN10303:2014; TCVN12252:2020	Sung bật nảy	“-nt-“
87	Đất xây dựng Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng.	TCVN 9354:2012	Tấm nén, kích thủy lực, đồng hồ so,dầm định vị	“-nt-“
88	Cọc-phương pháp Thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Bộ kích, con đệm, gá và đồng hồ đo biến dạng.	“-nt-“
89	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012	Giá đỡ, thanh dẫn hướng, quả tạ, đầu xuyên	“-nt-“
90	Thí nghiệm CBR- Ngoài hiện trường	TCVN8821:2011	Bộ kích, con đệm, gá và đồng hồ đo biến dạng	“-nt-“
XI.	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			

91	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn; Xác định độ hút nước của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân điện tử 15000g, tủ sấy; Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, Phễu có đường kính trong (154-156) mm, cao 20mm; đồng hồ bấm giây, Giấy lọc, thiết bị thử độ lưu động; Khuôn bằng kim loại, chày đầm mẫu, thùng bảo dưỡng mẫu, tấm kính, máy uốn, máy nén	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
92	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459:1987	Máy nén đa năng, khuôn đúc mẫu, thước lá, dụng cụ hồ chợ	“-nt-“
XII.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ, NGÓI, GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG			
93	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước lá; Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc. Thước lá chia vạch 1mm,	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
94	Xác định cường độ bền nén, bền uốn	TCVN 6355-2,3:2009	Máy nén đa năng, bộ gá nén, uốn.	“-nt-“
95	Xác định độ hút nước, Xác định khối lượng thể tích, Xác định độ rỗng	TCVN 6355-4,5,6:2009	Cân kỹ thuật; Ống đong chứa nước có khắc vạch kèm bộ gá kẹp	“-nt-“
XIII	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG - GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
96	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999 TCVN 6477:2016	Thước lá; Thước kẹp, thước vuông góc. Thước lá chia vạch 1mm,	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
97	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999 TCVN 6477:2016	Máy nén đa năng, bộ giá đỡ.	“-nt-“
98	Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng	TCVN 6476:1999 TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật, Ống đong chứa nước có khắc vạch kèm bộ gá kẹp	“-nt-“

XIV.	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZZO			
99	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ uốn; độ hút nước	TCVN 7744:2013	Thước lá; Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc. Thước chia vạch 1mm, Máy nén, Cân kỹ thuật; Ống đong chứa nước có khắc vạch kèm bộ gá kẹp	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
XV.	GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN, NHÂN TẠO			
100	Kiểm tra kích thước, ngoại quan và chất lượng bề mặt	TCVN 4732:2016 TCVN 8057:2009	Tủ sấy; Thước kẹp, thước lá; Nguồn sáng	Dương Văn Minh. Đặng Trường Sang Nguyễn Thành Tài Trần Chí Vỹ
101	Xác định độ hút nước; Khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn;	TCVN 6415:2016	Tủ sấy; Thước kẹp, thước lá; Nguồn sáng; Máy nén đa năng; Nhiệt kế; Máy cắt mẫu; Khung giá nén uốn mẫu	“-nt-“

2. Danh mục máy móc, thiết bị thí nghiệm.

STT	Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ	Kiểu Số hiệu	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm định/ hiệu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
1	Máy thử nén 2000KN/0.1KN	TYA 2000 148	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
2	Máy thử nén 2000KN/0.1KN	TYA 2000 182	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
3	Máy uốn kéo nén vạn năng WE-600B.	WE-600B 100302	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
4	Máy CBR	R1254	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
5	Máy Marshall	R3528	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
6	Máy Cắt phẳng	02400	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	

7	Cân điện tử	R21PE15 8500260017	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
8	Cân điện tử	BC30 8025190377	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
9	Cân điện tử 4.100g	PA4102	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
10	Kích thủy lực	MH-20 948-1	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
11	Đồng hồ so	61842 I72625 I59213 I58791	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	4	
12	Tủ sấy 300C ^o	101-2 04069	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
13	Cần Benkelman (2/1)		20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
14	Máy thử Mài mòn Los Angeles	MH-I	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
15	Thiết bị thử độ hóa mềm	HR2806 2105	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
16	Thiết bị thử độ kim lún nhựa	SZR-3 2365	20/11/2025	ZON 3 (ĐK 434)	1	
17	Thiết bị thử tĩnh (kích thủy lực)	650 tấn			1	
18	Đồng hồ chuyển vị				4	
19	Bơm thủy lực				1	
20	Sung bắn bê tông	C380			1	
21	Máy siêu âm bê tông	C369			1	
22	Tấm đế D33 (thiết bị kèm theo)	D33mm			1	
23	Máy dẫn vữa xi măng				1	
24	Khuôn đúc mẫu xi măng	40x40x160mm			6	
25	Sàng tiêu chuẩn xđ mịn xi măng	0.09mm			1	
26	Bộ vica thí nghiệm xi măng				1	
27	Đồng hồ bấm giây	Cầm tay			1	

28	Côn độ sụt bê tông Inox	Côn Inox			1	
29	Khuôn đúc mẫu thử thấm	D150xH300mm			12	
30	Bộ gá kẹp mẫu				1	
31	Bàn rung bê tông				1	
32	Khuôn đúc mẫu bê tông	150x150x150m m			3	
33	Khuôn đúc mẫu bê tông	200x200x200m m			2	
34	Khuôn đúc mẫu bê tông	D150xH300mm			6	
35	Bàn dẫn xả độ lưu động của vữa				1	
36	Bình tỷ trọng Lechatelier 250ml				1	
37	Khuôn Lechatelier				1	
38	Khuôn đúc mẫu vữa xi măng	40x40x160mm			3	
39	Dụng cụ giá uốn mẫu	1000ml			1	
40	Dụng cụ giá nén mẫu				1	
41	Bình Tam Giác 1000ml	Thước cải tiến			1	
42	Dụng cụ xác định góc nghỉ của cát	SD-II			1	
43	Thước kẹp xả hạt thoi dẹt của cốt liệu	1000-5000ml			1	
44	Bộ thiết bị thí nghiệm đương lượng cát	(5, 10) lít			1	
45	Bộ thùng đong xả khối lượng thể tích xấp của cốt liệu lớn, cốt liệu nhỏ				3	
46	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của cốt liệu nhỏ, cốt liệu lớn	152H			3	
47	Phễu xác định khối lượng thể tích xấp của cốt liệu lớn, cốt liệu nhỏ	100ml			2	
48	Tỷ trọng kế 152H				1	

49	Bình tỷ trọng 100ml				1	
50	Bàn dẫn xđ độ lưu động của vữa				1	
51	Ống đong 250ml	250ml			1	
52	Ống đong 500ml	500ml			1	
53	Ống đong 1000ml	1000ml			1	
54	Kính nhám 300x300x100mm	300x300x100mm			1	
55	Máy hút chân không VE125	VE125			1	
56	Bộ sàng lỗ vuông D300, dùng cho công tác sàng cốt liệu nhỏ, cốt liệu lớn.	Ø(0.075 đến 100) đáy + nắp			2	
57	Bộ xi lanh nén đập cốt liệu lớn	D75 - D150			2	
58	Thùng đong cốt liệu	(1, 5, 10, 15) lít			4	
59	Bộ gá kéo bulong	Ø6 ->Ø32			1	
60	Bình hút chân không				1	
61	Cối chà sứ				1	
62	Cối chà Inox				1	
63	Khuôn CBR				3	
64	Đĩa giãn cách				1	
65	Cối chà Proctor cải tiến				1	
66	Cối chà Proctor tiêu chuẩn				1	
67	Bộ ép tĩnh				1	
68	Phễu rót cát				3	
69	Bộ dao đai				3	
70	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường				1	
71	Bộ cối đầm tạo mẫu Marshall bằng tay				3	

72	Bộ kích tháo mẫu Marshall bằng tay				1	
73	Khuôn Marshall				6	
74	Bình hút ẩm có vòi D300 kèm vi Inox				1	
75	Máy quay li tâm (chiết nhựa)				1	
76	Giấy lọc cho máy li tâm					
77	Giá đỡ và kẹp				1	
78	Nhiệt kế -1+101				1	
79	Máy khoan bê tông chạy xăng				1	
80	Mũi khoan kim cương ĐK110mm				1	
81	Bộ thước 3m đo bằng phẳng				1	
82	Đồng hồ so 10mm/0.01				2	
83	Máy hút chân không,				1	
84	Đồng hồ áp + ống nối				1	
85	Máy cắt gạch				1	
86	Đĩa cắt gạch				1	
87	Hôm nhôm 35x55mm					
88	Bình hút ẩm có vòi 240mm				1	
89	Bộ hóa mềm nhựa				1	
90	Chén sứ chịu nhiệt 100mm				1	
91	Cục nôm thước 3m				1	
92	Rọ cân thủy tĩnh				1	
93	Bộ công đầu cọc				1	
94	Tấm đệm đầu cọc				1	
95	Dầm chính 3.4m				1	
96	Dầm chuẩn 3m				2	

97	Bộ gá đồng hồ				4	
98	Bộ gá nén, uốn gạch				1	
99	Bảng so màu				1	
100	Bếp ga				2	
101	Kính lúp				2	
102	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm					
103	Bộ Cassagrande				1	
104	Thiết bị đánh dấu thép				1	
105	Búa cao su				1	
106	Bể ngâm mẫu				1	
107	Giá uốn bê tông				1	
108	Bể ôn nhiệt				1	

✓ Các thiết bị hồ chợ khác.!

3. Danh sách cán bộ quản lý, thí nghiệm viên.

STT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đào tạo	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Giáp	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng. - Chứng chỉ QL phòng thí nghiệm Số: 08.K39.15/QLPT - Cập nhật & chuyển đổi QL phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2005 sang ISO/IEC 17025:2017. - Đánh giá nội bộ HT QL PTN Theo TCVN ISO/IEC 17025:2017. - Chứng chỉ sơ cấp nghề. Thí nghiệm viên ngành xây dựng. - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. 	- Trưởng phòng thí nghiệm	

2	Dương Văn Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng; - Thí nghiệm viên về PP xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng. - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. 	- Thí nghiệm viên	
3	Đặng Trường Sang	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ sơ cấp nghề thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. 	- Thí nghiệm viên	
4	Nguyễn Thành Tài	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm viên vật liệu xây dựng - Đánh giá nội bộ HT QL PTN Theo TCVN ISO/IEC 17025:2017. 	- Thí nghiệm viên	
5	Trần Chí Vỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm viên vật liệu xây dựng 	- Thí nghiệm viên	

Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Và Kiểm Định D.I.C cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong bản công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Phạm Tiến Quyết